TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 286/2025/QĐST-HNGĐ	*Gò Vấp, ngày 17 tháng 03 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 125/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trịnh Văn C, sinh năm 1972; Địa chỉ: 162 đường số 9, phường X, quận G, Thành phố H.
- Bà Đỗ Thị X, sinh năm 1980; Địa chỉ: 162 đường số 9, phường X, quận G, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông C và bà X là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08, ngày 02/02/2001 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện F, tỉnh A (nay là thành phố N).

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 17 tháng 01 năm 2025 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 07/03/2025 ông C và bà X yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, có 02 con chung.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy ông C và bà X thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không chia tài sản chung, đã thoả thuận được việc nuôi con chung, trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Trịnh Văn C và bà Đỗ Thị X thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 08, ngày 02/02/2001 Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện F, tỉnh A (nay là thành phố N) cấp hết hiệu lực.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Trịnh Thanh B, sinh ngày 06/02/2003 đã trưởng thành và Trịnh Thanh M, sinh ngày 19/08/2007 cho bà Đỗ Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên đồng ý tự thực hiện vì các con đang tuổi ăn học, chi phí sinh hoạt của các con không cố định nên không thể đưa ra một con số cụ thể mà hàng tháng các con đóng tiền học và sinh hoạt bao nhiêu thì ông C, bà X tự chia nhau để lo cho con.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về lệ phí: Ông Trịnh Văn C và Bà Đỗ Thị X phải chịu lệ phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm nộp lệ phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0057270 ngày 11/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.G;
- UBND xã Đ;
- Chi cục THADS Q. G
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Chu Thị Bình